

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Đồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 275/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Sí M, sinh năm 1979; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07/6/2022, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Sí M trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân:* Bà M và ông T chung sống với nhau từ năm 2019, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 05/6/2019.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà M nhận thấy giữa bà và ông T không thể hàn gắn để quay về chung sống hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2022 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, bà M làm đơn xin ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà M và ông T không có con chung.

- *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà M không có ý kiến gì khác.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Văn T:*

Trong suốt quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Nguyễn Văn T biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông T vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn ông T.

*\* Kết quả xác minh:*

Tại biên bản xác minh ngày 11/7/2022 của Tòa án đối với ông Nguyễn Minh M là Trưởng Ban lãnh đạo ấp C, xã T nơi ông T cư trú thể hiện: Ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp C, xã T nhưng ông T đi làm, không thường xuyên cư trú tại địa chỉ trên. Ông T và bà M có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 05/6/2019. Ông T và bà M không có con chung; mâu thuẫn giữa ông T và bà M thì địa phương không rõ nhưng từ tháng 4/2022 đến nay hai người không còn chung sống với nhau.

*\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng là đã tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Sí M khởi kiện ông Nguyễn Văn T về việc ly hôn. Ông T có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng bà M và ông T theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà M:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà M và ông T chung sống với nhau từ năm 2019, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 05/6/2019. Hôn nhân giữa bà M và ông T là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo bà M thì bà M và ông T thường bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà M thì Tòa án đã tiến hành triệu tập ông T nhiều lần đến Tòa án để làm việc, hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T vẫn không có mặt, điều này cho thấy ông T không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 11/7/2022, thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà M và ông T địa phương không rõ, nhưng từ tháng 4/2022 đến nay thì bà M và ông T không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà M và ông T không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà M là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà M và ông T không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] *Tài sản chung, nợ chung*: Bà M không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “ly hôn” của bà Lê Thị Sí M đối với ông Nguyễn Văn T.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Sí M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

1.2. *Về con chung:* Quá trình chung sống, bà M và ông T không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

1.3. *Tài sản chung, nợ chung:* Bà M không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Án phí: Bà Lê Thị Sí M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007619 ngày 29/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Thanh An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Đồng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Lệ Mỹ   Nguyễn Thị Thu Thu**

**Phạm Minh Đồng**